



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

0201 040588

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011



Thành viên hãng **AGN** International / Member Firm of **AGN** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

0201 040588

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18

17
NG
HIỆ
T
N T
ÔC
MA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Dương Thanh Bình	Chủ tịch
Ông Cao Đức Văn	Phó Chủ tịch
Ông Phùng Xuân Hà	Ủy viên
Ông Trần Quang Thịnh	Ủy viên
Ông Phạm Việt Hà	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Quang Thịnh	Giám đốc
Ông Phạm Việt Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đào	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đức Thành	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,




Trần Quang Thịnh
Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2012

23
T
+H
ÁN
AIC
T
1-T



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2625/2012/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 5 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 18 kèm theo. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV
Hà Nội, Ngày 5 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ngày: 23-03-2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.528.235.182	17.429.443.340
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.095.409.765	5.342.291.831
1. Tiền	111	5.1	7.095.409.765	5.342.291.831
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.854.667.848	10.257.430.309
1. Phải thu khách hàng	131		32.766.507.678	10.184.337.702
2. Trả trước cho người bán	132		15.161.850	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	72.998.320	73.092.607
IV. Hàng tồn kho	140		1.470.617.477	1.829.721.200
1. Hàng tồn kho	141	5.3	1.470.617.477	1.829.721.200
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		107.540.092	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.564.040	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.976.052	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.648.766.442	37.213.895.887
II. Tài sản cố định	220		32.427.548.856	35.599.008.847
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	32.409.188.856	35.599.008.847
- Nguyên giá	222		73.365.510.843	72.127.396.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.956.321.987)	(36.528.387.987)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	18.360.000	-
- Nguyên giá	228		20.030.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.670.000)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.221.217.586	1.614.887.040
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	3.221.217.586	1.614.887.040
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		77.177.001.624	54.643.339.227

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.886.520.981	25.009.329.326
I. Nợ ngắn hạn	310		36.231.828.524	13.154.636.869
2. Phải trả người bán	312		28.164.102.315	7.051.403.839
3. Người mua trả tiền trước	313		1.248.000.000	84.700.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.7	1.007.712.921	795.085.603
5. Phải trả người lao động	315		1.082.033.703	916.396.337
6. Chi phí phải trả	316	5.8	4.346.139.280	3.986.386.748
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.9	299.280.404	320.664.342
11 Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		84.559.901	-
II. Nợ dài hạn	330		9.654.692.457	11.854.692.457
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.10	9.654.692.457	11.854.692.457
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.290.480.643	29.634.009.901
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	31.290.480.643	29.634.009.901
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		11.702.920	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		131.700.000	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		131.700.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.015.377.723	2.634.009.901
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		77.177.001.624	54.643.339.227



Trần Quang Thịnh
Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2012

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	138.158.497.044
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		138.158.497.044
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	125.447.244.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.711.252.161
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	359.302.352
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.306.553.145
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.288.509.810</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.506.409.847
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.257.591.521
11. Thu nhập khác	31		1.534.532.869
12. Chi phí khác	32		376.967.746
13. Lợi nhuận khác	40	6.5	1.157.565.123
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.415.156.644
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	1.399.778.921
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.015.377.723
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	1.487



Trần Quang Thịnh
Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2012

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	130.267.001.982
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(100.196.643.796)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.449.011.978)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.374.854.249)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.084.881.039)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.565.633.720
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.735.055.649)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.992.188.991
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.258.144.009)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	358.602.352
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(899.541.657)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.200.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.139.529.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.339.529.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.753.117.934
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.342.291.831
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quý đối ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.095.409.765



Trần Quang Thịnh
Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2012

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ- HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng. Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0201040588 ngày 01 tháng 3 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0201040588 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng là 27.000.000.000 đồng, trong đó Nhà nước chiếm 60% vốn điều lệ. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

- Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng - cổ đông nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ, tương đương với 16.200.000.000 đồng.
- Các cổ đông khác nắm giữ 40% vốn điều lệ tương đương với 10.800.000.000 đồng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 228 (năm 2010 là 218 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ bảo quản, giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ chuyên tải hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy;
- Cho thuê tàu lai;
- Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy;
- Hoạt động lai dất, đưa tàu cập bến;
- Trục vớt tàu biển;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý và vận tải đường biển;
- Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm);
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm cung ứng thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài);
- Khai thác cảng; và
- Kinh doanh kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty là: Lai dất hỗ trợ tàu, trục vớt cứu hộ tàu, bốc xếp hàng hóa, chuyển tải hàng hóa.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

23.
T
H
A
N
H
T
E

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự. Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi được trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 15
Tài sản cố định khác	04 - 07

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí sửa chữa lớn đã phát sinh trong kỳ của phương tiện vận tải thủy và giá trị phân bổ của những công cụ, dụng cụ phục vụ quản lý. Thời gian phân bổ của các chi phí này tối đa là 03 năm và được phân bổ đều vào các kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các khoản chi phí khác phát sinh từ khoản các khoản vay của Công ty. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được xác định theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày cuối kỳ dựa trên các phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản tiền và tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được xử lý theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên Báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư. Hướng dẫn tại Thông tư nói trên của Bộ Tài chính có sự khác biệt căn bản với những quan điểm hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10: “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Khác biệt giữa việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC so với VAS 10 làm cho lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm đi 11.702.920 đồng. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng lần đầu việc xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Trong năm hiện tại, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

MINH KHAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	20.632.515	23.750.008
Tiền gửi ngân hàng	7.074.777.250	5.318.541.823
Cộng	7.095.409.765	5.342.291.831

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	13.847.407	54.722.607
Phải thu ngắn hạn khác	59.150.913	18.370.000
Cộng	72.998.320	73.092.607

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.465.547.588	1.821.062.906
Công cụ, dụng cụ	5.069.889	8.658.294
Cộng	1.470.617.477	1.829.721.200

5.4 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật, kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2011		83.118.405	71.812.964.309	231.314.120	72.127.396.834
Tăng trong năm	83.025.100		1.042.440.000	112.648.909	1.238.114.009
Giảm trong năm					-
Tại ngày 31/12/2011	83.025.100	83.118.405	72.855.404.309	343.963.029	73.365.510.843
Giá trị hao mòn					
Tại ngày 01/01/2011		20.422.000	36.443.254.587	64.711.400	36.528.387.987
Tăng trong năm	6.228.000	6.840.000	4.368.543.000	46.323.000	4.427.934.000
Giảm trong năm					-
Tại ngày 31/12/2011	6.228.000	27.262.000	40.811.797.587	111.034.400	40.956.321.987
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2011	-	62.696.405	35.369.709.722	166.602.720	35.599.008.847
Tại ngày 31/12/2011	76.797.100	55.856.405	32.043.606.722	232.928.629	32.409.188.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.5 Tài sản cố định vô hình

	Tài sản vô hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 31/12/2010	-	-
Tăng trong năm	20.030.000	20.030.000
Tại ngày 31/12/2011	20.030.000	20.030.000
Giá trị hao mòn		
Tại ngày 31/12/2010	-	-
Tăng trong năm	1.670.000	1.670.000
Tại ngày 31/12/2011	1.670.000	1.670.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 31/12/2010	-	-
Tại ngày 31/12/2011	18.360.000	18.360.000

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phân bổ công cụ dụng cụ	-	89.147.892
Sửa chữa tàu	2.371.271.586	1.249.558.000
Phí bảo hiểm phương tiện	126.388.000	150.594.148
Sửa chữa văn phòng	723.558.000	125.587.000
Cộng	3.221.217.586	1.614.887.040

5.7 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	125.836.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	968.278.921	653.381.039
Thuế thu nhập cá nhân	36.334.000	15.868.000
Các loại thuế khác	3.100.000	-
Cộng	1.007.712.921	795.085.603

5.8 Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.925.000.000	2.700.000.000
Trích trước chi phí thuê ngoài	1.030.660.607	809.563.636
Trích trước Chi phí lãi vay phải trả	390.478.673	476.823.112
Cộng	4.346.139.280	3.986.386.748

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	161.161.751	135.624.359
Bảo hiểm xã hội	-	29.733.164
Bảo hiểm y tế	-	7.433.292
Bảo hiểm thất nghiệp	223.060	4.955.527
Chi phí ăn ca	71.985.000	69.960.000
Lương thuyền viên	45.439.993	72.958.000
Cổ tức năm 2010	20.470.600	-
Cộng	299.280.404	320.664.342

5.10 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	9.654.692.457	11.854.692.457
Cộng	9.654.692.457	11.854.692.457

Vay dài hạn thể hiện khoản vay của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng theo Hợp đồng vay số 01/2010 ngày 01 tháng 9 năm 2010. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2010, lãi suất áp dụng là 12%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Khoản vay dài hạn trên được trả nợ theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.200.000.000	2.200.000.000
Trong năm thứ hai	2.200.000.000	2.200.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.254.692.457	7.454.692.457
Cộng	9.654.692.457	11.854.692.457

5.11 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Thay đổi vốn chủ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/03/2010	-	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	27.000.000.000	-	-	-	-	27.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.634.009.901	2.634.009.901
Tại ngày 31/12/2011	27.000.000.000	-	-	-	2.634.009.901	29.634.009.901
Lãi trong năm	-	-	-	-	4.015.377.723	4.015.377.723
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(2.160.000.000)	(2.160.000.000)
Trích các quỹ (*)	-	131.700.000	131.700.000	-	(474.009.901)	(210.609.901)
Tăng khác	-	-	-	11.702.920	-	11.702.920
Tại ngày 31/12/2011	27.000.000.000	131.700.000	131.700.000	11.702.920	4.015.377.723	31.290.480.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

a. Thay đổi vốn chủ (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 257/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng ngày 22 tháng 04 năm 2011, Công ty thực hiện chi cổ tức là 8% vốn điều lệ và thực hiện trích lập các quỹ.

b. Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011
	<u>VND</u>
Doanh thu hoạt động bốc xếp	27.727.887.994
Doanh thu hoạt động vận chuyển	27.286.725.791
Doanh thu hoạt động lai dất, hỗ trợ	48.786.919.142
Doanh thu hoạt động dịch vụ	34.356.964.117
Cộng	<u><u>138.158.497.044</u></u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011
	<u>VND</u>
Giá vốn của hoạt động bốc xếp	24.927.626.037
Giá vốn của hoạt động vận chuyển	27.780.130.632
Giá vốn của hoạt động lai dất, hỗ trợ	40.441.652.763
Giá vốn của hoạt động dịch vụ	32.297.835.451
Cộng	<u><u>125.447.244.883</u></u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011
	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	358.602.352
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	700.000
Cộng	<u><u>359.302.352</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	1.288.509.810
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	18.043.335
Cộng	1.306.553.145

6.5 Lợi nhuận khác

	Năm 2011 VND
Khoản khách hàng thường	1.164.164.460
Thu nhập khác	370.368.409
Thu nhập khác	1.534.532.869
Chi phí khác	376.967.746
Chi phí khác	376.967.746
Lợi nhuận khác	1.157.565.123

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	5.415.156.644
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(183.959.041)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ (*)	(183.959.041)
Thu nhập chịu thuế	5.599.115.685
Thuế suất thông thường	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.399.778.921
Tổng cộng	1.399.778.921

(*) Phần lớn là khoản thù lao của một số thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành Công ty trong năm.

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.015.377.723
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.015.377.723
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan

Cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

	Năm 2011 VND
Cung cấp dịch vụ	46.262.411.413
Cộng	46.262.411.413

Mua hàng hóa và dịch vụ của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

	Năm 2011 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	10.177.515.296
Cộng	10.177.515.296

Các khoản phải trả Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Phải trả tiền vay dài hạn	9.654.692.457	11.854.692.457
- Phải trả tiền thuê tàu hoạt động	2.919.078.649	2.023.952.871
Cộng	12.573.771.106	13.878.645.328

Các khoản phải thu Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Phải thu về cung cấp dịch vụ	5.160.456.088	5.355.805.229
Cộng	5.160.456.088	5.355.805.229

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2011 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	720.496.242
Cộng	720.496.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo


7.2 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.3 Số liệu so sánh

Năm 2010 là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0201040588 ngày 01 tháng 3 năm 2010. Do đó trên bảng cân đối kế toán của năm tài chính 2011 số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm tài chính 2010. Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh vì năm tài chính 2010 Công ty hoạt động từ ngày 01 tháng 03 năm 2010.




Trần Quang Thịnh
Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2012


Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Chi nhánh tại Hải Phòng:

Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
ĐT: 031. 3 797 268 | Fax: 031. 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

No 4. Nguyen Trai street, May To ward,
Ngo Quyen district, Hai Phong city.
Tel: (84) 31 3 797 268 | Fax: (84) 31 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh:

181 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10,
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
ĐT: 08. 3 845 5082 | Fax: 08. 3 845 5083
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

181 Nguyen Van Troi street, 10 ward,
Phu Nhuan district, Ho Chi Minh city.
Tel: (84) 8 3 845 5082 | Fax: (84) 8 3 845 5083
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Văn phòng đại diện tại Hải Dương:

Số 95 Đỗ Ngọc Du, Phường Thanh Bình,
TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320. 3 897 031 | Fax: 0320. 3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn

Representative office in Hai Duong:

No 95. Do Ngoc Du street, Thanh Binh ward,
Hai Duong city, Hai Duong province.
Tel: (84) 320 3 897 031 | Fax: (84) 320 3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn